TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 29-02-2025
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Hồ Điệp

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Mạnh Hùng

Ông Đặng Huy Du

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 214/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2024 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 319/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 174/2024/QĐ-ST ngày 19 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1978; nơi cư trú: Thôn 9, xã Hùng Thắng, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng; hiện trú tại: TATAWA INDUSTRIES (M) SDN. BHD, PLO 6, Kawasan Perindustrian Bukit Pair 84600 Muar, Johor, Malaysia; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt;

- *Bị đơn:* Anh Vũ Văn T (tên gọi khác: Vũ Anh T), sinh năm 1974; nơi cư trú: Thôn 9, xã Hùng Thắng, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (sau đây gọi tắt là UBND) xã Hùng Thắng, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng vào ngày 25 tháng 9 năm 1996. Quá trình chung sống vợ cH hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình vợ cH không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ cH chung sống không có hạnh

phúc, ít quan tâm đến nhau. Mâu thuẫn vợ cH đã được gia đình khuyên giải nhưng không đạt kết quả, vợ cH sống ly thân từ năm 2008 đến nay, mỗi người sống một nơi và không quan tâm đến nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ cH không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T để chị sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Vũ Thị Mỹ Dung, sinh ngày 01 tháng 10 năm 1997 và Vũ Thị Mỹ Quyên, sinh ngày 08 tháng 8 năm 2004. Hiện các con đều đã trưởng thành nên không phải nuôi dưỡng.

Về T sản chung: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do sai sót trong quá trình làm thủ tục, giấy tờ nên có sự khác nhau về ngày tháng năm sinh của chị: Trong sổ hộ khẩu, Giấy chứng minh nhân dân, Giấy khai sinh ghi tên Nguyễn Thị H, sinh ngày 19 tháng 8 năm 1978, tuy nhiên Giấy chứng nhận kết hôn lại ghi là Nguyễn Thị H, sinh ngày 19 tháng 8 năm 1976. Mặt khác, năm 2005 chị đi xuất khẩu lao động tại Malaysia theo hợp đồng lao động, tuy nhiên sau đó chị trốn ra ngoài lao động bất hợp pháp nên năm 2008 chị về nước không sử dụng được hộ chiếu, do hộ chiếu của chị bị Công ty giữ lại. Sau đó năm 2014 chị lại có nguyện vọng sang Malaysia lao động, nên chị đã mượn giấy tờ của em gái sinh đôi của chị là chị Nguyễn Thị Hài, sinh ngày 19 tháng 8 năm 1978 để làm Hộ chiếu mới và sử dụng tên Nguyễn Thị Hài để làm lại Hợp đồng lao động sang Malaysia và sử dụng tên gọi Nguyễn Thị Hài để đi lao động ở Malaysia từ đó đến nay.

- Tại biên bản ghi lời khai ngày 18 tháng 01 năm 2024, chị H trình bày:

Tại Giấy đăng ký kết hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Văn T thể hiện chị Nguyễn Thị H sinh năm 1976 là không đúng, do thời điểm năm 1996, chị H chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn nên anh T và chị H thống nhất khai chị H tăng lên 2 tuổi để làm thủ tục đăng ký kết hôn. Thực tế chị H sinh năm 1978. Tên khai sinh của chị H là Nguyễn Thị H, sinh ngày 19 tháng 8 năm 1978. Năm 2006 chị H đi xuất khẩu lao động tại Malaysia sau đó về nước. Trong thời gian này chị H bị thất lạc toàn bộ giấy tờ tùy thân, do chưa làm thủ tục cấp lại giấy tờ đã mất mà chị H lại muốn làm thủ tục đi lao động tại Malaysia nên đã mượn Chứng minh thư nhân dân của em gái song sinh là chị Nguyễn Thị Hài để làm hộ chiếu và thủ tục để đi xuất khẩu lao động. Chị H và chị Hài là chị em song sinh cùng ngày, cùng giờ nên về khuôn mặt, giọng nói và ngoại hình đều rất giống nhau, bố mẹ, anh em trong gia đình cũng khó phân biệt rõ hai người. Năm 2014 chị H đã được cấp hộ chiếu mang tên Nguyễn Thị Hài và làm thủ tục đi lao động tại Malaysia với tên của chị Hài. Thực tế, chị Nguyễn Thị Hài chưa khi nào đi lao động bên nước ngoài; hiện chị Hài vẫn đang sinh sống tại Tổ dân phố Đống Khê 1, phường Đồng Hòa, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.

Đối với ý kiến của anh T về việc yêu cầu chị H trả số tiền nợ Ngân hàng Agribank là 70.000.000 đồng cho anh T. Chị H không biết việc vay nợ như anh T trình bày nên chị không đồng ý. Đối với yêu cầu của anh T về việc yêu cầu chị H phải trả tiền nuôi con, nuôi cháu trong 14 năm chị H đi nước ngoài là 168 triệu đồng, chị H không đồng ý. Do quá trình ở nước ngoài, chị H vẫn thường xuyên gửi tiền về cho anh T để nuôi con và hỗ trợ cháu Vũ Thị Mỹ Dung nuôi con nhỏ.

- Theo các đơn kiến nghị, bị đơn là anh Vũ Văn T trình bày:

Anh Vũ Văn T và chị Nguyễn Thị H xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hùng Thắng, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng vào ngày 25 tháng 9 năm 1996. Quá trình chung sống, vợ cH hòa thuận và có 02 con chung. Đến năm 2006, chị H sang Malaysia sinh sống và làm việc, anh T được biết chị H có quan hệ với người khác nên vợ cH xảy ra mâu thuẫn. Đến năm 2012, chị H trở về nhà. Trước khi chị H về, anh T đã có đơn xin ly hôn với chị H. Đến 29 Tết năm 2012, chị H về yêu cầu vợ cH đoàn tụ nên anh chị tiếp tục chung sống đến năm 2016, chị H cùng con gái lớn tiếp tục sang Malaysia lao động. Từ năm 2016 đến nay vợ cH anh sống ly thân, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay chị H yêu cầu xin ly hôn, anh T yêu cầu chị H phải đáp dứng những điều kiện sau thì anh T mới đồng ý ly hôn với chị H:

Về T sản chung: Năm 2013, anh T, chị H cùng vay Ngân hàng Agribank, số tiền 70 triệu đồng, mục đích để làm ăn và để chị H đi nước ngoài. Đến nay, anh T yêu cầu chị H phải trả 70 triệu đồng tiền nợ gốc cho anh T để trả Ngân hàng. Trong quá trình đi nước ngoài, chị H không gửi tiền nuôi con, nuôi cháu ngoại. Do vậy anh T yêu cầu chị H phải trả tiền nuôi con, nuôi cháu trong 14 năm chị H đi nước ngoài là 01 triệu đồng/ tháng, 14 năm là 168 triệu đồng.

Đến nay anh T không còn tình cảm với chị H, 08 năm nay vợ cH không còn liên lạc gì. Chị H phải trả đủ cho anh T số tiền trên thì anh T mới đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh T và chị H có 02 con chung là Vũ Thị Mỹ Dung, sinh năm 1997 và Vũ Thị Mỹ Quyên, sinh năm 2004. Hiện các con đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu giải quyết.

Tại Giấy đăng ký kết hôn ghi "Vũ Anh T" chính là anh Vũ Văn T, giấy tờ tùy thân của anh T đều ghi: "Vũ Văn T".

- Xác minh tại gia đình chị Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Đức Khính - là bố đẻ của chị Nguyễn Thị H và chị Nguyễn Thị Hài - là em gái song sinh của chị H cung cấp như sau:

Chị Nguyễn Thị H sinh ngày 19 tháng 8 năm 1978 kết hôn với anh Vũ Văn T (tên gọi khác là Vũ Anh T), sinh năm 1974 vào năm 1996. Năm 2006 chị H đi xuất khẩu lao động tại Malaysia sau đó về nước. Trong thời gian trở về nước, chị H đã bị mất giấy tờ nên đã mượn giấy tờ tuỳ thân của em gái song sinh là chị Nguyễn Thị Hài để làm hộ chiếu và thủ tục để xuất khẩu lao động. Năm 2014, chị H được cấp hộ chiếu mang tên Nguyễn Thị Hài và làm thủ tục đi lao động tại Malaysia với tên Nguyễn Thị Hài. Thực tế là chị Hài chưa từng đi lao động ở nước ngoài, hiện chị Nguyễn Thị Hài vẫn đang sống tại Tổ dân phố Đống Khê 1, phường Đồng Hoà, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng. Khi đó chị H chưa đủ 18 tuổi nên khai tăng tuổi lên là sinh năm 1976 để làm thủ tục kết hôn. Ông Khính và chị Hài khẳng định chị Nguyễn Thị H sinh ngày 19 tháng 8 năm 1978, hiện đang ở Malaysia là người làm đơn yêu cầu ly hôn với anh Vũ Văn T, sinh năm1974 là đúng.

Năm 2023, chị H làm đơn xin ly hôn với anh Vũ Văn T, gia đình tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn. Thực tế nhiều năm nay anh chị đã không

chung sống với nhau, mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, hôn nhân không thể cứu vãn được.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Văn T có 02 con chung là Vũ Thị Mỹ Dung, sinh năm 1997 và Vũ Thị Mỹ Quyên, sinh năm 2004. Hiện các con đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu giải quyết.

- Xác minh tại chính quyền địa phương, cung cấp như sau:

Về quan hệ hôn nhân của chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Văn T: Xác nhận chị H và anh T có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hùng Thắng, huyện Tiên Lãng, Hải Phòng vào năm 1996. Quá trình chung sống hòa thuận, cho đến khi chị H đi xuất khẩu lao động sang Malaysia thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Chị H đi khoảng 05 năm thì về, sau đó chị H và con gái lớn tiếp tục sang Malaysia lao động. Chị H và anh T hiện không còn chung sống với nhau, mâu thuẫn kéo dài. Nay chị H xin ly hôn với anh T, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Theo tra cứu tại Sổ đăng ký kết hôn năm 1996 của UBND xã Hùng Thắng, huyện Tiên Lãng, tại số thứ tự 56, thể hiện: Anh Vũ Anh T và chị Nguyễn Thị H kết hôn vào ngày 25 tháng 9 năm 1996. Anh Vũ Anh T sinh ngày 02 tháng 01 năm 1974, chị Nguyễn Thị H, sinh ngày 19 tháng 8 năm 1976. Trong sổ đăng ký kết hôn có thể hiện chữ ký của chị H và anh T. Hiện các giấy tờ tùy thân của chị H không lưu trữ tại UBND xã Hùng Thắng.

Công an xã Hùng Thắng, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng cung cấp: Theo dữ liệu quản lý dân cư của Công an xã Hùng Thắng, huyện Tiên Lãng, chị Nguyễn Thị H có số căn cước công dân: 03178008156 sinh ngày 19 tháng 8 năm 1978, có cH là anh Vũ Văn T, sinh năm 1974, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn 9, xã Hùng Thắng, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng, chị Nguyễn Thị H hiện không có mặt tại địa phương.

- Theo công văn của Cục Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an xác nhận: chị Nguyễn Thị H, sinh ngày 19 tháng 8 năm 1978 đã xuất nhập cảnh 02 lần, nhập cảnh gần nhất ngày 29 tháng 01 năm 2008;

Nguyễn Thị Hài, sinh ngày 19 tháng 8 năm 1978, đã xuất nhập cảnh 13 lần, xuất cảnh gần nhất ngày 25 tháng 01 năm 2024, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị H vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Vũ Văn T vắng mặt không có lý do mặc dù đã được tống đạt hợp lệ lần thứ hai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký về cơ bản đã thực hiện theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử vụ án. Tòa án xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị H, anh Vũ Văn T là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 điểm c khoản 6 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào khoản 1 và khoản 4 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 9, 14, 51, 53, 56, khoản 1 Điều 89 của Luật Hôn nhân và Gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H: Về quan hệ hôn nhân và gia đình, cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Vũ Văn T; về con chung, chị H và anh T có 02 con chung là Vũ Thị Mỹ Dung, sinh năm 1997 và Vũ Thị Mỹ Quyên, sinh năm 2004. Hiện các con đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Tòa án không giải quyết; về T sản chung: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu giải quyết về T sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí và các chi phí khác: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí, và các chi phí tố tụng khác theo quy định của pháp luật. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị H làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết việc ly hôn với anh Vũ Văn T.

Chị H trình bày chị đang sinh sống và làm việc tại Malaysia. Tuy nhiên, theo thông tin của Cục xuất nhập cảnh Bộ Công an thì chị Nguyễn Thị H sinh ngày 19 tháng 8 năm 1978 nhập cảnh về nước gần nhất là ngày 29 tháng 01 năm 2008. Tại Hộ chiếu số Q00246949 cấp ngày 02 tháng 3 năm 2023 thì tên là chị Nguyễn Thị Hài, sinh ngày 19 tháng 8 năm 1978, trùng hợp với thông tin của Cục Xuất nhập cảnh Bộ Công an cung cấp là chị Nguyễn Thị Hài, sinh ngày 19 tháng 8 năm 1978 đã xuất nhập cảnh 13 lần, hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Xét thấy, chính quyền địa phương và người nhà chị H cung cấp là chị Nguyễn Thị H hiện đi lao động tại Malaysia từ năm 2014 cho đến nay chưa trở về Việt Nam. Mặt khác, vào ngày 08 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng và ngày 20 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng, Tòa án đã trực tiếp làm việc với chị Nguyễn Thị Hài, sinh ngày 19 tháng 8 năm 1978, chị Hài xác nhận việc chị H mượn giấy tờ tùy thân của chị để làm thủ tục sang Malaysia. Và chị Nguyễn Thị H cũng đã cung cấp Giấy thông hành để nhập cảnh vào Việt Nam năm 2008. Xác minh tại địa phương cho thấy hiện chị Nguyễn Thị H vắng mặt tại nơi cư trú. Như vậy, có cơ sở khẳng định hiện chị Nguyễn Thị H, sinh ngày 19 tháng 8 năm 1978 hiện đang ở nước ngoài.

Anh Vũ Văn T hiện đang cư trú tại Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 469, Điều 470 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về xác định thông tin nhân thân của nguyên đơn, bị đơn:

Về thông tin năm sinh của chị Nguyễn Thị H: Theo Giấy thông hành, xác nhận của Công an xã Hùng Thắng, các Giấy khai sinh của con Vũ Thị Mỹ Quyên của chị H và anh T, Sổ hộ khẩu gia đình của anh Vũ Văn T đều xác nhận vợ của anh Vũ Văn T là chị Nguyễn Thị H, sinh ngày 19 tháng 8 năm 1978. Lời trình bày của chị H về việc tại thời điểm kết hôn do chưa đủ tuổi nên chị H khai tăng tuổi, sinh năm 1976 là có cơ sở. Vì vậy, có đủ cơ sở khẳng định nguyên đơn chị Nguyễn Thị H sinh ngày 19/8/1978.

Về tên của anh Vũ Văn T: Công an xã đã xác nhận anh Vũ Văn T và anh Vũ Anh T là cùng một người. Như vậy, có cơ sở khẳng định, anh Vũ Văn T còn có tên gọi khác là Vũ Anh T.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Văn T (tức Vũ Anh T) kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hùng Thắng, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng vào ngày 25 tháng 9 năm 1996. Theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị H khai chị đi lao động ở nước ngoài nhiều năm, giữa hai vợ cH phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, không còn tình cảm và yêu thương lẫn nhau. Việc này có xác nhận của gia đình, chính quyền địa phương và bị đơn cũng thừa nhận hai bên sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Mặc dù trong các đơn kiến nghị, đơn trình bày, anh Vũ Văn T thể hiện quan điểm không đồng ý ly hôn với chị H nhưng anh cũng thừa nhận anh không còn tình cảm với chị H, 08 năm không còn liên lạc gì. Như vậy, thấy rằng mâu thuẫn vợ cH giữa chị H và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung vợ cH đã không còn tồn tại từ lâu, yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H là chính đáng, cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H, cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Vũ Văn T.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Văn T có 02 con chung là Vũ Thị Mỹ Dung, sinh năm 1997 và Vũ Thị Mỹ Quyên, sinh năm 2004. Hiện các con đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[5] Về T sản chung: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[6] Anh Vũ Văn T tại các Đơn kiến nghị, đơn trình bày yêu cầu chị Nguyễn Thị H khi ly hôn thì phải trả khoản nợ Ngân hàng 70 triệu đồng và khoản tiền nuôi con chung, nuôi cháu trong 14 năm. Tòa án đã có văn bản yêu cầu anh T làm đơn yêu cầu và cung cấp các T liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ. Tuy nhiên anh Vũ Văn T không có đơn yêu cầu, cũng không cung cấp được

các T liệu, chứng cứ chứng minh. Vì vậy, Tòa án không có cơ sở xem xét các yêu cầu nói trên của anh Vũ Văn T. Các yêu cầu này có thể được giải quyết trong vụ án khác, nếu anh T có yêu cầu.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, Điều 33, Điều 51, Điều 53, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 469, Điều 470, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Vũ Văn T.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Văn T có 02 con chung là Vũ Thị Mỹ Dung, sinh năm 1997 và Vũ Thị Mỹ Quyên, sinh năm 2004. Hiện các con đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

3. Về T sản chung: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu giải quyết về T sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số 0000086 ngày 27 tháng 7 năm 2023 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Anh Vũ Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Chị Nguyễn Thị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

6. Về quyền yêu cầu thi hành án: Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung

năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND xã Hùng Thắng, h.Tiên Lãng, TP Hải Phòng;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Hồ Điệp

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Phạm Mạnh Hùng

Đặng Huy Du

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Hồ Điệp

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Mạnh Hùng **Nguyễn Thị Vinh** **Trần Thị Vân Thúy**